

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/2017/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy,
biên chế công chức và số lượng người làm việc trong
các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước; Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành

phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 96/TTr-SNV ngày 28 tháng 9 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/11/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý tổ chức bộ máy,
biên chế công chức và số lượng người làm việc
trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ngãi**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 70/2017/QĐ-UBND
ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; *(sau đây gọi chung là Sở)*; UBND các huyện, thành phố *(sau đây gọi chung là UBND cấp huyện)*; UBND các xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi chung là UBND cấp xã)*; các tổ chức tư vấn phối hợp liên ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện;

2. Phòng, ban chuyên môn, chi cục và tương đương thuộc Sở; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện;

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Sở và trực thuộc UBND cấp huyện; các tổ chức có sử dụng biên chế sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao;

4. Các quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh được cho phép thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Đảm bảo thống nhất sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước về công tác tổ chức bộ máy; biên chế công chức và số lượng người làm việc phù hợp với đặc thù quản lý của từng ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh;

2. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định đi đôi với việc thực hiện đầy đủ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu đối với công tác tổ chức bộ máy; biên chế công chức và số lượng người làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

3. Quản lý tổ chức bộ máy; biên chế công chức, số lượng người làm việc phải được thực hiện trên cơ sở chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

4. UBND tỉnh thống nhất quản lý tổ chức bộ máy; biên chế công chức và số lượng người làm việc thuộc khối chính quyền trong phạm vi toàn tỉnh nhưng có sự phân công, phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn quản lý cho các Sở, ngành, các cấp, cơ quan, tổ chức, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thực hiện những nội dung đã phân cấp;

5. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa Quy định này với các quy định của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền về cùng một nội dung thì áp dụng theo các quy định của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền. Trường hợp các nội dung về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức và số lượng người làm việc chưa quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Nội dung phân cấp

1. Về tổ chức bộ máy:

a) Đối với cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp: Thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quy chế (điều lệ) tổ chức và hoạt động; phân loại, điều chỉnh phân loại, xếp hạng các tổ chức, đơn vị;

b) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện: Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ;

c) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện cơ cấu tổ chức bộ máy trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

2. Về biên chế công chức và số lượng người làm việc:

a) Xây dựng, thẩm định đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính; đề án vị trí việc làm trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

b) Thẩm quyền phân bổ, quản lý, sử dụng, điều chỉnh biên chế công chức; số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 5. Thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

1. Thẩm quyền của UBND tỉnh:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh theo quy định;

b) Trình HĐND tỉnh quyết định thành lập, bãi bỏ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở; ban hành chức năng, nhiệm vụ, quy chế (điều lệ) tổ chức và hoạt động các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương (trừ các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh mà Trung ương quy định đơn vị có thẩm quyền quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ, quy chế (điều lệ) tổ chức và hoạt động theo thẩm quyền);

d) Phê duyệt Đề án sắp xếp đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh;

đ) Trình Bộ Nội vụ thẩm định, xem xét, quyết định phân loại và điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính cấp huyện. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ trình HĐND tỉnh xem xét thông qua, gửi Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh.

2. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên các phòng, ban chuyên môn, chi cục và tương đương thuộc Sở; các phòng, ban chuyên môn và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh (trừ các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật do đơn vị quyết định theo thẩm quyền);

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, hợp nhất, giải thể, đổi tên đơn vị sự nghiệp thuộc Sở (Trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật chuyên ngành), thuộc Chi cục và tương đương; thuộc UBND cấp huyện (trừ các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật do UBND cấp huyện quyết định thành lập);

c) Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ xã hội và quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong tỉnh và quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn;

d) Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, thuộc UBND tỉnh theo thẩm quyền (Trừ các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập xếp hạng đặc biệt và các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý do Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định xếp hạng);

đ) Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể, đổi tên các tổ chức tư vấn phối hợp liên ngành thuộc UBND tỉnh;

e) Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 6. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Điều 5 Quy định này và các quy định khác có liên quan;
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các nội dung quy định tại Điều 5 quy định này do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện trình, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền;
3. Thực hiện thanh tra, kiểm tra về công tác tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu Sở

1. Lập đầy đủ hồ sơ về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được quy định tại Điều 5 của Quy định này theo quy định của pháp luật trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;
2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, chi cục thuộc Sở và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và đúng quy định của pháp luật;
3. Có ý kiến bằng văn bản về đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc UBND cấp huyện hoạt động trên lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở;
4. Hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi chuyên môn quản lý;
5. Lập hồ sơ phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh

1. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quy chế (điều lệ) tổ chức và hoạt động của đơn vị theo quy định của nhà nước trình UBND tỉnh quyết định (trừ các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh được Trung ương phân cấp có thẩm quyền quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ, quy chế (điều lệ) tổ chức và hoạt động theo quy định);
2. Xây dựng Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên các phòng, ban chuyên môn và tương đương thuộc đơn vị trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định (trừ các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật do đơn vị quyết định theo thẩm quyền);
3. Lập đầy đủ hồ sơ xếp hạng của đơn vị theo đúng quy định của nhà nước trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 9. Thẩm quyền của UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Thẩm quyền của UBND cấp huyện:

a) Trình HĐND cấp huyện quyết định thành lập, bãi bỏ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện;

b) Lập đầy đủ hồ sơ về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được quy định tại Điều 5 của Quy định này theo quy định của pháp luật, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện theo quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt (đối với các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật do UBND cấp huyện quyết định thành lập).

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc UBND cấp huyện, sau khi đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể được các Sở quản lý chuyên ngành và Sở Nội vụ thẩm định, có văn bản thống nhất;

đ) Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện:

a) Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể, đổi tên các tổ chức tư vấn phối hợp liên ngành thuộc UBND cấp huyện theo quy định;

b) Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ xã hội và quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn (trừ Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động).

Chương III**PHÂN CẤP QUẢN LÝ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC,
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC****Điều 10. Thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh****1. Ủy ban nhân dân tỉnh:**

a) Trình Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh; danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp của tỉnh;

b) Trình HĐND tỉnh quyết định tổng chỉ tiêu biên chế công chức trong cơ quan hành chính theo chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao; phê duyệt tổng số lượng

người làm việc trong tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh sau khi được Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Chỉ đạo các Sở, UBND cấp huyện, các tổ chức, đơn vị xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; xây dựng đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp (hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm);

b) Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính theo danh mục vị trí việc làm đã được Bộ Nội vụ phê duyệt cho tỉnh Quảng Ngãi; quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh.

c) Quyết định phê duyệt giao chỉ tiêu biên chế công chức trong các cơ quan hành chính; phê duyệt phân bổ số lượng người làm việc trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp theo chỉ tiêu, số lượng do Bộ Nội vụ giao và Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; xây dựng đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp (hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm);

2. Thẩm định đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính; thẩm định đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;

3. Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định tổng chỉ tiêu biên chế công chức trong cơ quan hành chính theo chỉ tiêu biên chế được Chính phủ và Bộ Nội vụ giao; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh sau khi được Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

4. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt giao chỉ tiêu biên chế công chức trong các cơ quan hành chính; phê duyệt phân bổ số lượng người làm việc trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh. Thông báo giao biên chế hành chính và số lượng người làm việc cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

5. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu Sở; Chủ tịch UBND cấp huyện; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và các tổ chức được giao biên chế

1. Tổng hợp xây dựng đề án vị trí việc làm, danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức, địa phương gửi Sở Nội vụ thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định;

2. Căn cứ vào danh mục vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp đã được Bộ Nội vụ phê duyệt cho tỉnh hoặc quy định của các Bộ chuyên ngành Trung ương, căn cứ vào số lượng người làm việc (biên chế viên chức) của cấp có thẩm quyền giao, các Sở, địa phương xây dựng Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp thuộc, trực thuộc Sở, trực thuộc UBND cấp huyện và được UBND tỉnh phân cấp quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Sở, địa phương mình quản lý. Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh thuộc UBND tỉnh, đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt qua Sở Nội vụ.

3. Quyết định phân bổ, điều chỉnh chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các chi cục, phòng, ban và tương đương, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc được UBND tỉnh giao và thông báo của Sở Nội vụ, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

4. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tự đảm bảo chỉ thường xuyên;

5. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo HĐND và UBND tỉnh, Bộ Nội vụ theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm triển khai thực hiện

1. Người đứng đầu Sở; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Chánh Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy định này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung chưa hợp lý hoặc vướng mắc, phát sinh, thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện; thủ trưởng các cơ

quan, tổ chức, đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng